

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG  
ĐÔNG NAM Á**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔNG NAM Á

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SOUTHEAST ASIA INVESTMENT, DEVELOPMENT ENVIRONMENT ND TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SAETECH CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107006815

**3. Ngày thành lập:** 25/09/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 199 khu Quốc Bảo, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2599        |
| 2.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2592        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0163        |
| 4.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1030        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 6.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4719        |
| 7.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3600        |
| 8.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3700        |
| 9.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3821        |
| 10. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>chi tiết:<br>- Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học ;<br>- Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học ;<br>- Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác. | 3900        |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410        |
| 12. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết:<br>- Tư vấn về nông học;<br>- Tư vấn về môi trường;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ;<br><br>( Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).                                                                      | 7490(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức               | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ(%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM TRUNG KIÊN | Số nhà 60A, ngõ 148 đường Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.000.000.000         | 55,56    | 012829988                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐỖ ĐỨC DŨNG     | Số nhà A21, tổ 25, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam             | 800.000.000           | 44,44    | 151217941                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: PHẠM TRUNG KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 14/04/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012829988

Ngày cấp: 25/12/2006

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà 60A, ngõ 148 đường Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà 60A, ngõ 148 đường Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội